

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2021/HS-PT**

Ngày: 27-01- 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Lê Tự**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên

Vào ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 108/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo **Vũ Q1 H** và đồng phạm bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Chứa mại dâm*” và “*Môi giới mại dâm*”. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2020/HS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

01. Vũ Q1 H - sinh năm 1982 tại Hải Phòng; nơi cư trú: N, Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Vũ Văn Thọ (1954) và bà Trịnh Thị N (1957); vợ là Đặng Thị H (1984), có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2018, đến ngày 28/12/2018 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

02. Ngũ Trọng Q - sinh năm 1992 tại Nghệ An; nơi cư trú: tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; con ông Ngũ N T (1963) và bà Nguyễn Thị H (1965); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2018, đến ngày 28/12/2018 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

03. Lê Nguyễn Toàn Q1 (Q) - sinh năm 1989 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: N, Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Lê Văn T (1966) và bà Nguyễn Thị T1 H (1966); vợ là Nguyễn Thị Tuyết N (1990), có 01 con sinh năm

2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 285/2007/HSST ngày 06/12/2007 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, bị cáo đã chấp hành xong bản án. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

04. Trần Văn C - sinh năm 1992 tại Kiên Giang; nơi ĐKNKTT: tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: N, Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Văn H (1969) và bà Nguyễn Thị O (1970); vợ là Mai N T (1995), có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2018, đến ngày 08/12/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

05. Võ Thị Trúc V - sinh năm 1994 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: N, Khánh Hòa; hiện nay cư trú tại thành phố Đà Nẵng, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Quản lý khách sạn; trình độ học vấn: 11/12; con ông Võ Đức H (1964) và bà Phan Thị T (1966); tiền án, tiền sự: Không. Có 01 con sinh ngày 27 tháng 02 năm 2019 (chồng không có). Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

06. Nguyễn Duy P - sinh năm 1996 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: N, Khánh Hòa; Hiện nay ở tại 101/1 đường 2/4 N, Khánh Hòa, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Lễ tân khách sạn; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn P (1968) và bà Dương Thị Đ (1967); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2018, đến ngày 08/12/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

07. Tô Thị H - sinh năm 1997 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: N, Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lễ tân khách sạn; trình độ học vấn: 12/12; con ông Tô Văn K (1966) và bà Phạm Thị T (1971); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

08. Nguyễn Thị Như N - sinh năm 1990 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: N, Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lễ tân khách sạn; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị N (1963); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q:* Luật sư **Nguyễn T h**, VPLS X, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N:* Luật sư **Nguyễn Văn h**, Công ty Luật TNHH k, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2017, Vương Học Đ (quốc tịch Trung Quốc, thường gọi là Vương, hiện nay không xác định được nhân thân, lai lịch) thuê Cao Thị N trả lương 18.000.000đ/tháng để đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh N và ký Hợp đồng thuê tầng B2 khách sạn G (N, Khánh Hòa) để tổ chức kinh doanh dịch vụ hát Karaoke. Vương Học Đ thuê Vũ Q1 H trả lương 20.000.000đ/tháng và Điền Á D (T, quốc tịch Trung Quốc) trả lương 33.000.000đ/tháng để làm nhiệm vụ phiên dịch tiếng Trung Quốc đồng thời quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh karaoke. Vương Học Đ còn thuê Nguyễn Hà Như T, Nguyễn Thị P, Cao Thị T1 và trả lương từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng để làm nhiệm vụ lễ tân, thu ngân, tổng hợp thu chi cho Đ. Bên cạnh đó, Đ thuê Ngũ Trọng Q trả lương 5.000.000đ/tháng làm nhiệm vụ lái xe đưa đón khách; thuê Trần T P, Ngũ Xuân H, Lê Văn H, Lê Văn T, Nguyễn N T, Nguyễn Hùng C và trả lương từ 4.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng để làm nhân viên dọn dẹp, phục vụ tại các phòng Karaoke.

Ngoài việc kinh doanh dịch vụ hát Karaoke, Vương Học Đ giao cho H, D, Q tổ chức việc môi giới mại dâm cho khách đến hát Karaoke để hưởng lợi. Vương Học Đ, Vũ Q1 H, Điền Á D thỏa thuận và giao cho Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C việc lựa chọn, tuyển các tiếp viên nữ vào làm việc tại tầng B2 Khách sạn G, vừa phục vụ khách hát Karaoke vừa bán dâm nếu khách có nhu cầu. Đ quy định khách mua dâm phải trả 550 nhân dân tệ (khoảng 1.800.000đ)/lượt mua dâm, gái bán dâm được hưởng 1.100.000đ, nếu khách ở qua đêm với gái bán dâm thì phải trả 1.500 nhân dân tệ (khoảng 4.950.000đ), gái bán dâm được hưởng 3.500.000đ. Sau đó, Q1 và C đã tuyển được 34 tiếp viên nữ vào làm việc tại tầng B2. Q1 và C quy định hàng tháng mỗi tiếp viên nữ này phải đưa cho Q1, C 200.000đ; khi được H, D, Q1, C môi giới bán dâm thì phải đưa cho Q1, C 50.000đ/lượt.

Để có địa điểm cho khách và gái bán dâm thực hiện hành vi mua bán dâm, Vương Học Đ đã thỏa thuận với Võ Thị Trúc V là chủ khách sạn L (số 184 H, L, N, Khánh Hòa) về việc thuê phòng khách sạn L cho các cặp mua bán dâm với giá 150.000đ/phòng/lượt và 350.000đ/phòng nếu ở qua đêm. Vương Học Đ giao cho Q nhiệm vụ hàng ngày chở các cặp mua bán dâm đến khách sạn L lấy phòng để mua bán dâm. Võ Thị Trúc V đồng ý nên thuê và trả lương từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng cho Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N làm lễ tân khách sạn L để hàng ngày cùng V cho các cặp mua bán dâm do Q chở đến thuê các phòng 239, 268, 279, 339, 368, 379, 439, 468, 479, 539 của khách sạn L để thực hiện mua bán dâm nhằm hưởng lợi.

Hàng ngày, khách đến tầng B2 khách sạn G thuê phòng hát Karaoke, nếu khách có nhu cầu mua dâm thì H, D thỏa thuận giá mua dâm như đã nêu trên. Nếu

khách đồng ý, H và D báo cho C, Q1 biết để chọn tiếp viên nữ bán dâm cho khách. Sau đó, khách được H, D đưa đến quầy lễ tân, thu tiền hát Karaoke và tiền mua dâm bằng hình thức sử dụng tài khoản “Wechat” chuyển tiền vào tài khoản “Wechat” của Vương Học Đ (tài khoản thanh toán trên mạng xã hội của Trung Quốc) hoặc trả bằng tiền mặt cho H, D. Sau đó, khách và gái bán dâm được Q chở bằng xe ô tô đến khách sạn L gặp lễ tân khách sạn lấy phòng thực hiện việc mua bán dâm. Một số khách mua dâm trả tiền mặt bằng tiền Việt Nam hoặc tiền Nhân dân tệ thì H, D đưa lại cho P, T cất giữ tại quầy lễ tân. Vương Học Đ, H và D còn yêu cầu P, T, T1 thống kê số lượt khách mua dâm, các khoản thu chi hàng ngày trên máy tính rồi lưu lại trong 01USB màu trắng để theo dõi và yêu cầu T1, P, T tính toán rồi dùng tiền mặt thu được hàng ngày để trả lương cho nhân viên, trả các chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh Karaoke, trả tiền thuê phòng khách sạn cho V và trả tiền bán dâm cho các tiếp viên nữ.

Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 28/11/2018, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Khánh Hòa đã kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Duy P đang tổ chức chứa mại dâm cho 08 người mua bán dâm tại các phòng 239, 279, 339, 379 của khách sạn L gồm những người mua dâm là Z, L, W, D (đều quốc tịch Trung Quốc) và các gái bán dâm là Lê N T, Lê Huỳnh N, Hoàng Thị Hồng H, Trương Thị Kim N. Trước đó, khoảng từ 18 giờ 00 đến 21 giờ 45 cùng ngày, tại tầng B2 khách sạn G, H, D, C, Q đã môi giới mại dâm cho 20 người mua bán dâm và được Q chở đến khách sạn L thực hiện việc mua bán dâm.

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28/11/2018, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Khánh Hòa tiến hành kiểm tra tại tầng B2 khách sạn G thì phát hiện 06 người mua bán dâm gồm: L, J, N (đều quốc tịch Hàn Quốc), Trần Thị P, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Mỹ X đang được Q chở đến khách sạn L để thực hiện việc mua bán dâm.

Quá trình điều tra đã xác định từ ngày 06/10/2018 đến 28/11/2018, tại tầng B2 của khách sạn G, Vương Học Đ, Vũ Q1 H, Điền Á D, Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1 và Trần Văn C đã thực hiện 988 lượt môi giới mại dâm. Các cặp mua bán dâm này được Q chở tới thuê phòng khách sạn L do Võ Thị Trúc V làm chủ và Nguyễn Thị Như N, Nguyễn Duy P và Tô Thị H làm lễ tân quản lý để thực hiện hành vi mua bán dâm. Tổng số tiền thu được từ hoạt động môi giới mại dâm là 2.250.243.000đ, trong đó đã trả tiền thuê phòng khách sạn L cho V là 155.000.000đ, trả tiền cho các tiếp viên nữ thực hiện việc bán dâm là 1.316.000.000đ.

Cáo trạng số 68/CT-VKSKH-P1 ngày 13/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C đều về tội “*Môi giới mại dâm*” theo điểm b khoản 3 Điều 328 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Võ Thị Trúc V, Nguyễn Duy P, Tô Thị H,

Nguyễn Thị Như N đều về tội “*Chứa mại dâm*” theo các điểm a, c, d, g khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2020/HS-ST ngày 19-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C;**

Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q, Trần Văn C;**

Áp dụng điểm a, c, d, g khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Võ Thị Trúc V, Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N;**

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Vũ Q1 H 08 (*tám*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 29/11/2018 đến ngày 28/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Ngũ Trọng Q 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 29/11/2018 đến ngày 28/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Toàn Q1 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn C 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 29/11/2018 đến ngày 08/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Trúc V 06 (*sáu*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 29/11/2018 đến ngày 08/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Tô Thị H 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như N 05 (*năm*) năm tù về tội “*Chứa mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp lại các khoản tiền thu lợi bất chính để

sung công quỹ nhà nước, cụ thể:

. Bị cáo Võ Thị Trúc V phải nộp lại số tiền là 155.000.000đ (*một trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

. Bị cáo Vũ Q1 H phải nộp lại số tiền 209.243.000đ (*hai trăm lẻ chín triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng*).

. Các bị cáo Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền là 190.000.000đ (*một trăm chín mươi triệu đồng*).

Bản án còn quyết định xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định các bị cáo Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, Võ Thị Trúc V kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N kháng cáo toàn bộ bản án và có nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa có quyết định kháng nghị số 03/QĐ –VKSKH –P1 với nội dung: Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng xác định tổng số tiền thu lợi bất chính là tổng số tiền các bị cáo thu mà không trừ các chi phí để thực hiện việc thu lợi bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ nội dung kháng nghị.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo bởi lẽ các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức còn chưa chín chắn, mặt khác các bị cáo cũng đều là những người làm thuê cho Vương Học Đ.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Viện kiểm sát rút kháng nghị do vậy Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát.

[2] Cao Thị N là người được Vương Học Đ thuê đứng tên trên Giấy chứng nhận và Hợp đồng thuê tầng B2 khách sạn G (số 05 H, L, N, Khánh Hòa) để kinh doanh dịch vụ karaoke với mức lương là 18.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, ngoài hoạt động karaoke, Vương Học Đ còn tổ chức, điều hành hoạt động môi giới mại dâm

cho những khách có nhu cầu mua dâm mà Cao Thị N không biết. Ngoài Vũ Q1 H, Điền Á D là những người điều hành mọi hoạt động kinh doanh karaoke và môi giới mại dâm hàng ngày, Vương Học Đ còn thuê Nguyễn Hà Như T, Nguyễn Thị P, Cao Thị T1 làm nhiệm vụ thu ngân, lễ tân, tổng hợp thu chi; thuê Trần T P, Ngũ Xuân H, Lê Văn H, Lê Văn T, Nguyễn N T, Nguyễn Hùng C làm nhân viên dọn dẹp, phục vụ phòng hát karaoke. Hoạt động môi giới mại dâm được Vương Học Đ quy định cụ thể như sau: Khách mua dâm phải trả 550 nhân dân tệ (tương đương 1.800.000đ)/01 lượt mua dâm, gái bán dâm được hưởng 1.100.000đ, nếu khách ở qua đêm thì phải trả 1.500 nhân dân tệ (tương đương 4.950.000đ)/01 đêm, gái bán dâm được hưởng 3.500.000đ. Các bị cáo Lê Nguyễn Toàn Q1 và Trần Văn C đã tuyển được 34 tiếp viên nữ vào làm và quy định hàng tháng mỗi tiếp viên phải đưa cho Q1, C 200.000đ và khi được H, D, Q1, C môi giới bán dâm thì phải đưa cho Q1, C 50.000đ/01 lượt. Ngoài ra, Vương Học Đ còn thỏa thuận với Võ Thị Trúc V về việc thuê phòng khách sạn L (số 184 H, L, N, Khánh Hòa) của V để làm địa điểm cho các cặp mua bán dâm, V đồng ý nên chỉ đạo các nhân viên lễ tân gồm Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N là mỗi khi Ngũ Trọng Q chở khách mua bán dâm đến thì đưa vào các phòng số 239, 268, 279, 339, 369, 379, 439, 468, 479, 539 để thực hiện việc mua bán dâm.

Hàng ngày, sau khi H và D thỏa thuận giá với khách mua dâm thì báo cho Q1, C biết để chọn tiếp viên, khách trả tiền mua dâm tại quầy lễ tân bằng hình thức sử dụng tài khoản “Wechat” vào tài khoản của Vương Học Đ hoặc bằng tiền mặt đưa cho H, D. Sau đó khách và gái bán dâm được Q chở đến khách sạn L để thực hiện việc mua bán dâm. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/10/2018 đến 28/11/2018, Vương Học Đ, Vũ Q1 H, Điền Á D, Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1 và Trần Văn C đã thực hiện 988 lượt môi giới mại dâm cho những khách có nhu cầu mua dâm. Tổng số tiền môi giới mại dâm là 2.250.243.000đ, trong đó đã trả tiền thuê khách sạn cho V là 155.000.000đ, trả tiền cho tiếp viên bán dâm là 1.316.000.000đ.

Với những hành vi nêu trên các bị cáo Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Môi giới mại dâm”. Các bị cáo Võ Thị Trúc V, Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N bị xét xử về tội “Chứa mại dâm” là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trật tự quản lý hành chính và nếp sống văn minh lành mạnh trong xã hội. Trong vụ án này các bị cáo trong nhóm tội “Môi giới mại dâm” bị đưa ra xét xử theo điểm b khoản 3 Điều 328 và phải chịu 02 tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Q1 H mức án 08 năm 06 tháng tù các bị cáo Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C mỗi bị cáo 07 năm 06

tháng tù là thỏa đáng và không nặng. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù các bị cáo H và Q có nộp khoản tiền thu lợi bất chính tuy nhiên cũng không làm thay đổi mức án tại cấp sơ thẩm. Do vậy đơn kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

Các bị cáo Võ Thị Trúc V, Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N bị xét xử về tội “Chứa mại dâm” theo điểm a, c, d, g khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo V mức án 06 năm 06 tháng tù các bị cáo Nguyễn Duy P, Tô Thị H mỗi bị cáo 05 năm 06 tháng tù bị cáo Nguyễn Thị Như N 05 năm tù. Xét thấy bị cáo Võ Thị Trúc V là bị cáo phạm tội trong thời gian mang thai. Bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS là thiếu sót. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 50.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, bị cáo hiện nay đang nuôi con nhỏ và không có chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Như N đều là những người mới học ra trường, chưa có việc làm, do vậy đã nhận làm thuê cho Võ Thị Trúc V trong việc theo dõi khách và dọn dẹp phòng, nhận lương mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng. Xét thấy các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, mặt khác đều là những bị cáo có vai trò thứ yếu do vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội cải tạo thành công dân tốt.

[4] Trong vụ án này còn có các đối tượng Cao Thị N là người được Vương Học Đ thuê đứng tên trên Giấy chứng nhận và Hợp đồng thuê tầng B2 khách sạn G; Nguyễn Hà Như T, Nguyễn Thị P, Cao Thị T1, Trần T P, Ngũ Xuân H, Lê Văn H, Lê Văn T, Nguyễn N T, Nguyễn Hùng C là những nhân viên được Vương Học Đ thuê để phục vụ việc kinh doanh karaoke. Xét thấy, trong quá trình điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với các đối tượng nêu trên. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra xác định được các đối tượng này đều không liên quan đến hoạt động môi giới mại dâm của các bị cáo nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự do vậy toà án sơ thẩm chỉ đưa ra xét xử những bị cáo bị truy tố là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo không được chấp nhận đơn kháng cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, điểm b khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 03/QĐ –VKSKH –P1 ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo: Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C.

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo: Võ Thị Trúc V, Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N.

Sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 77/2020/HS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q, Trần Văn C.

Áp dụng điểm a, c, d, g khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Võ Thị Trúc V, Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N đối với bị cáo Võ Thị Trúc V áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Duy P, Tô Thị H, Nguyễn Thị Như N áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Vũ Q1 H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 29/11/2018 đến ngày 28/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Ngũ Trọng Q 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 29/11/2018 đến ngày 28/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Toàn Q1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 29/11/2018 đến ngày 08/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Trúc V 05 (năm) tù về tội “Chứa mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 04 (bốn) năm 06 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 29/11/2018 đến ngày 08/12/2018.

- **Xử phạt bị cáo Tô Thị H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa mại dâm”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như N 04 (bốn) năm tù về tội “Chứa mại dâm”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp lại các khoản tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước, cụ thể:

. Bị cáo **Võ Thị Trúc V** phải nộp lại số tiền là **155.000.000đ** (một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Đã nộp 50.000.000 đồng còn phải nộp tiếp 105.000.000 đồng.

. Bị cáo **Vũ Q1 H** phải nộp lại số tiền **209.243.000đ** (hai trăm lẻ chín triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Đã nộp 45.000.000 đồng còn phải nộp tiếp 164.243.000 đồng.

. Các bị cáo **Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C** mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền là **190.000.000đ** (một trăm chín mươi triệu đồng). Bị cáo Ngũ Trọng Q đã nộp 30.000.000 đồng còn phải nộp tiếp 160.000.000 đồng.

4. Về án phí: Các bị cáo Vũ Q1 H, Ngũ Trọng Q, Lê Nguyễn Toàn Q1, Trần Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành